

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-PT

Ngày: 17/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, chia
tài
sản chung, thanh toán chi phí thực
hiện công việc không có ủy quyền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, thanh toán chi phí thực hiện công việc không có ủy quyền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959

Địa chỉ cư trú: Phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970

- Ông Nguyễn Minh X, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ cư trú: Phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955

Địa chỉ cư trú: Xã H1, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

- Ông Nguyễn Tuấn H2, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Phường B, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Nguyễn Thanh H3 ủy quyền cho bà Võ Thị Bích S, sinh năm 1967, địa chỉ: Phường B, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: phường N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959, địa chỉ: Phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là nguyên đơn trong vụ án.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Bà C vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông T, ông X, bà T1, ông H2, bà S, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Tại Bản án số 24/2019/DS-ST ngày 25-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết là Bản án số 24/2019/DS-ST) đã quyết định:

Chia cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Minh X, ông Nguyễn Tuấn H2, ông Nguyễn Thanh H3, bà Nguyễn Thị Mỹ L diện tích 277m² loại đất ở đô thị thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết là thửa 4225), trong đó, bà C, bà T1 mỗi người được hưởng 1/3, các ông bà T, X, H2, H3, L được hưởng 1/3 (Diện tích đất chia cho bà C, bà T1, anh T, anh X, anh H2, anh H3, chị L là phần đất có ký hiệu A (277m²) thuộc thửa đất số 4225 trong sơ đồ kèm theo bản án).

Theo đó, bà (C), bà T1 mỗi người được nhận diện tích đất 92,3 m²; các ông, bà T, X, H2, H3, L mỗi người được nhận 18,47m² đất. Toàn bộ nội dung Bản án số 24/2019/DS - ST không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Sau đó, các ông, bà T1, H3, H2, L đã lập Văn bản thỏa thuận ngày 25-6-2019 giao phần diện tích đất mà họ được nhận theo bản án nêu trên cho bà C trọn quyền sử dụng, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; bà đã trả cho bà T1 120.000.000 đồng, các ông H2, H3, L mỗi người 41.000.000 đồng, ông H3 cho lại bà 3.500.000 đồng, như vậy ông H3 nhận của bà 37.500.000 đồng. Riêng ông T, ông X không thỏa thuận được việc thi hành án về quyền sử dụng đất nên Cục Thi hành án tỉnh Quảng Ngãi đã lập Biên bản bàn giao phần đất cho 03 người là bà, ông T, ông X. Đồng thời, bà đã nộp thay ông T, ông X số tiền hoàn trả cho cụ Nguyễn Thị Nhơn 2.787.600 đồng (mỗi người 1.393.800 đồng), nộp thay ông T, ông X tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.731.000 đồng (mỗi người 2.865.500 đồng) và ông T, ông X còn nợ bà khoản chi phí xem xét, thẩm định giá tài sản 700.000 đồng (mỗi người 350.000 đồng). Sau khi nhận bàn giao đất xong, ông T, ông X không hợp tác với bà trong việc thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, cũng không đồng ý thương lượng để phân chia diện tích đất được nhận theo Bản án nêu trên.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và các ông, bà T1, H2, H3, L tại Văn bản thỏa thuận ngày 25-6-2019 là hợp pháp; chia tài sản chung là quyền sử dụng phần đất có ký hiệu A (277.0 m²) thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó bà được chia phần diện tích 240,06m²; buộc ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Minh X mỗi người phải trả cho bà số tiền là 4.259.000 đồng; bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông X, ông T mỗi người trả số tiền 350.000 đồng.

Tại phiên tòa bà C đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C với bà Nguyễn Thị T1; giữa bà Nguyễn Thị C với các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ L là hợp pháp.

Tại các bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Ông đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản chung là phần đất của bà C và bà T1. Phần đất được chia cho 5 anh em ông là tài sản chung của 05 người. Các ông, bà H2, H3, L chuyển nhượng cho bà C không được sự đồng ý của ông. Ông yêu cầu chia tài sản chung là phần 92,3m² đất mà Bản án số 24/2019/DS-ST chia cho 5 anh em ông, mỗi người được 18,46m², ông yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán lại giá trị cho các ông H2, bà L theo giá trị quyền sử dụng đất đã thỏa thuận 3.554.750 đồng/m². Riêng ông X và ông H3 đồng ý giao đất cho ông, không nhận tiền thanh toán lại giá trị thì ông đồng ý. Đối với số tiền bà C yêu cầu ông trả thì ông đồng ý nhưng bà C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và khi nào được chia đất thì ông mới trả.

Tại các bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Minh X trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Ông đồng ý với toàn bộ ý kiến, trình bày và yêu cầu khởi kiện phản tố của ông T. Đối với phần đất mà ông được chia, ông đồng ý giao luôn cho ông T trọn quyền sử dụng, không yêu cầu ông T thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất. Đối với số tiền bà C yêu cầu ông trả thì ông đồng ý nhưng bà C phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và khi nào được chia đất thì ông mới trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Bà đã thỏa thuận với bà C về việc chuyển nhượng phần đất mà bà được chia cho bà C, đã nhận số tiền 120.000.000 đồng thanh toán giá trị quyền sử dụng đất từ bà C xong. Đề nghị Tòa án công nhận phần diện tích đất mà bà được chia cho bà C quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H3 trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Ông đã thỏa thuận với bà C về việc chuyển nhượng phần đất mà ông được chia cho bà C, đã nhận số tiền 37.500.000 đồng thanh toán giá trị quyền sử dụng đất từ bà C. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện phần tố của ông T. Đối với phần đất mà ông được chia, ông đồng ý giao cho ông T lo việc thờ phụng cha mẹ, không yêu cầu ông T thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn H2 trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Ông đã thỏa thuận với bà C về việc chuyển nhượng phần đất mà bà được chia cho bà C, đã nhận số tiền 41.000.000 đồng thanh toán giá trị quyền sử dụng đất từ bà C xong. Đề nghị Tòa án công nhận phần diện tích đất mà ông được chia cho bà C quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của bà C về quyết định của Bản án số 24/2019/DS-ST.

Bà đã thỏa thuận với bà C về việc chuyển nhượng phần đất mà bà được chia cho bà C, đã nhận số tiền 41.000.000 đồng thanh toán giá trị quyền sử dụng đất từ bà C. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện phần tố của ông T. Đối với phần đất mà bà được chia, bà đồng ý giao luôn cho ông T trọn quyền sử dụng, số tiền mà ông T thanh toán lại cho bà, bà đồng ý trả lại cho bà C 41.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, thanh toán chi phí thực hiện công việc không có ủy quyền”.

2. Công nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị T1 tại “Văn bản thỏa thuận” đề ngày 25-6-2019.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L tại “Văn bản thỏa thuận” đề ngày 25-6-2019 là hợp pháp.

Tuyên bố việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L tại “Văn bản thỏa thuận” đề ngày 25-6-2019 vô hiệu.

Buộc các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Thanh H3 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc chia cho bà Nguyễn Thị C phần diện tích đất 55,4m² mà các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh T về việc “Tranh chấp chia tài sản chung”.

6. Chia bà C được quyền sử dụng diện tích đất 184,7m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 9,8m, cạnh phía nam lần lượt 1,47m, 5,06m, 2,51m, cạnh phía đông 21,22 m, cạnh phía tây lần lượt 21,4m, 10,77m; có giới cận phía bắc giáp thửa 2573, phía nam giáp đường đi, phía đông giáp phần đất được giao cho ông T, phía tây giáp phần đất còn lại của thửa 4225 (ký hiệu A trên sơ đồ kèm theo).

- Chia các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người được hưởng phần tài sản trị giá 65.620.685 đồng (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh X về việc cho ông Nguyễn Thanh T phần diện tích đất mà ông X được chia thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giao ông T được quyền sử dụng diện tích đất 92,3m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có các cạnh như sau: cạnh phía nam lần lượt 5m, 4,61m, cạnh phía đông 18,88m, cạnh phía tây 21,22m; có giới cận phía nam giáp đường đi, phía đông giáp thửa 2573, phía tây giáp phần đất được giao cho bà C (ký hiệu B trên sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người số tiền 65.620.685 đồng (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T được sở hữu các tài sản gắn liền với phần đất được chia.

7. Các ông, bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc buộc các ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X mỗi người hoàn trả số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Buộc các ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền 4.259.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi C nghìn đồng).

10. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.666.667 đồng (hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 266.667 đồng (hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Bà C đã tạm nộp khoản tiền trên nên các ông, bà T, X, H2, H3, L mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 266.667 đồng (hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

11. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh T.

- Các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.331.034 đồng (năm triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng); ông Nguyễn Thanh H3 chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.156.034 đồng (năm triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng).

- Ông Nguyễn Minh X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 và ngày 06 tháng 4 năm 2022 bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung, nội dung yêu cầu: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C với bà Nguyễn Thị T1; giữa bà Nguyễn Thị C với các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ L là hợp pháp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định kháng nghị số 362/QĐKNPT-VKS ngày 08/4/2022 kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về phần án phí: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa về phần án phí, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí đối với phần tài sản nhận tặng cho từ ông Nguyễn Minh X số tiền 3.281.034 đồng (ba triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc rút kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung bà Nguyễn Thị C kháng cáo; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng sửa về phần án phí, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí đối với phần tài sản nhận tặng cho từ ông Nguyễn Minh X số tiền 3.281.034 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C; Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Minh X; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H3, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Tuấn H2, bà Võ Thị Bích S được triệu tập hợp L nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[1.2] Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, ngày 26 tháng 7 năm 2022 và ngày 05 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo bà Nguyễn Thị C có Đơn xin rút kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị C "*Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Công nhận việc chuyển nhượng đất giữa tôi và ông Nguyễn Tuấn H2, ông Nguyễn Thanh H3, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị T1 là hợp pháp*".

[2] Xét Quyết định kháng nghị số 362/QĐKNPT-VKS ngày 08/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thấy:

[2.1] Tại phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên: "*Chia các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người được hưởng phần tài sản trị giá 65.620.685 đồng (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh X về việc cho ông Nguyễn Thanh T phần diện tích đất mà ông X được chia thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi*". Như vậy, ông Nguyễn Minh X là một trong những người được chia tài sản chung, phần giá trị tài sản của ông X được nhận là 65.620.685 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản đã chia cho ông X là không đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "*Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế*".

[2.2] Ông X giao cho ông T nhận 18,46m² đất mà ông X được chia (có giá trị 65.620.685 đồng), Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện giữa ông T và ông X. Nên ông T phải chịu thay ông X án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà ông X được chia là 3.281.034 đồng (65.620.685 đồng X 5%). Vì, khoản 3 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định "... *Tòa án chỉ xem xét miễn án phí đối với phần mà người thuộc trường hợp được miễn phải chịu theo quy định của Nghị quyết này. Phần án phí, L phí Tòa án mà người đó nhận nộp thay người khác thì không được miễn nộp*".

Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, sửa về phần án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm là 3.281.034 đồng đối với phần tài sản được nhận từ ông Nguyễn Minh X.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 99, 166, 168, 169, 170 của Luật Đất đai; các Điều 117, 129, 218, 219, 221, 235, 357, 468, 574, 576 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 15, 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị C về việc "*Công nhận việc chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Tuấn H2, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị T1*".

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, thanh toán chi phí thực hiện công việc không có ủy quyền*".

2. Công nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị T1 tại "*Văn bản thỏa thuận*" đề ngày 25-6-2019.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L tại "*Văn bản thỏa thuận*" đề ngày 25-6-2019 là hợp pháp.

Tuyên bố việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C và các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L tại "*Văn bản thỏa thuận*" đề ngày 25-6-2019 vô hiệu.

Buộc các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 41.000.000 đồng (*bốn mươi một triệu đồng*).

Buộc ông Nguyễn Thanh H3 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc chia cho bà Nguyễn Thị C phần diện tích đất 55,4m² mà các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh T về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

6. Chia bà C được quyền sử dụng diện tích đất 184,7m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 9,8m, cạnh phía nam lần lượt 1,47m, 5,06m, 2,51m, cạnh phía đông 21,22 m, cạnh phía tây lần lượt 21,4m, 10,77m; có giới cận phía bắc giáp thửa 2573, phía nam giáp đường đi, phía đông giáp phần đất được giao cho ông T, phía tây giáp phần đất còn lại của thửa 4225 (ký hiệu A trên sơ đồ kèm theo).

- Chia các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người được hưởng phần tài sản trị giá 65.620.685 đồng (*sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh X về việc cho ông Nguyễn Thanh T phần diện tích đất mà ông X được chia thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giao ông T được quyền sử dụng diện tích đất 92,3m², loại đất ở đô thị, thuộc thửa 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có các cạnh như sau: cạnh phía nam lần lượt 5m, 4,61m, cạnh phía đông 18,88m, cạnh phía tây 21,22m; có giới cận phía nam giáp đường đi, phía đông giáp thửa 2573, phía tây giáp phần đất được giao cho bà C (ký hiệu B trên sơ đồ kèm theo).

Có sơ đồ giải quyết tranh chấp đất thuộc thửa đất số 4225, tờ bản đồ số 6, phường Q1, thành phố Q, đính kèm theo bản án và là một bộ phận không tách rời bản án dân sự phúc thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người số tiền 65.620.685 đồng (*sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T được sở hữu các tài sản gắn liền với phần đất được chia.

7. Các ông, bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc buộc các ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X mỗi người hoàn trả số tiền 350.000 đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

9. Buộc các ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền 4.259.000 đồng (*bốn triệu, hai trăm năm mươi C nghìn đồng*).

10. Về án phí sơ thẩm:

10.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh T.

10.2. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản nhận của ông Nguyễn Minh X là 3.281.034 (*ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn không trăm ba mươi bốn*) đồng.

10.2. Các ông, bà Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.331.034 đồng (*năm triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng*).

10.3. Ông Nguyễn Thanh H3 chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.156.034 đồng (*năm triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi bốn*).

10.4. Ông Nguyễn Minh X phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

11. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị C.

12. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.666.667 đồng (*hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 266.667 đồng (*hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Bà Nguyễn Thị C đã tạm nộp khoản tiền trên nên các ông, bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Minh X, Nguyễn Tuấn H2, Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mỹ L mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 266.667 đồng (*hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi Cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương